

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin  
trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2015; với các nội dung cơ bản như sau:

**1. Mục tiêu :**

**a. Mục tiêu chung:**

- Từng bước hoàn thiện, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu về ứng dụng CNTT trong CQNN giai đoạn 2011-2015.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong hệ thống chính trị của tỉnh; thay đổi phương thức làm việc cũ trong các cơ quan hành chính Nhà nước bằng phương thức làm việc, trao đổi, chỉ đạo và điều hành thông qua môi trường mạng. Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống phần mềm nghiệp vụ nhằm phục vụ cho công tác quản lý, đáp ứng các yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Đảm bảo giải quyết nhanh và chính xác nhất các thủ tục hành chính thông qua việc cung cấp thông tin, xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao và ứng dụng hiệu quả.

- Hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các CQNN được xây dựng, nâng cấp và cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Thông tư 26/2009/TT-BTTTT và Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin;

cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2, các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu ở mức độ 3, thí điểm một số dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4.

- Xây dựng Trung tâm CNTT của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển ngành Công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực CNTT phục vụ cho ngành công nghiệp phần mềm.

- Phân đầu xây dựng thành công mô hình chính quyền điện tử tỉnh Bình Định; xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin, tạo môi trường làm việc trên mạng diện rộng ổn định giữa các CQNN trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, giảm thời gian, chi phí hoạt động của các CQNN.

**b. Mục tiêu cụ thể:**

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>						
1.	Hoàn thiện Hệ thống mạng tại các cơ quan hành chính nhà nước kết nối bằng cáp quang với mạng diện rộng của tỉnh	15%	30%	50%	80%	100%
2.	Đầu tư xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến nhằm đảm bảo tổ chức tất cả các cuộc họp của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với UBND cấp huyện.	0%	100%			
3.	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin tại Trung tâm Hạ tầng thông tin của tỉnh nhằm đảm bảo vận hành ổn định Cổng thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử của tỉnh, vận hành các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh.	30%	40%	90%	100%	
4.	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có mạng nội bộ (LAN).	15%	30%	40%	50%	60%
5.	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước được trang bị các thiết bị an toàn, bảo mật thông tin.	30%	40%	50%	60%	70%
6.	Tỷ lệ CBCC từ cấp huyện trở lên được trang bị máy tính làm việc.	63%	70%	90%	100%	
<b>Ứng dụng CNTT trong CQNN và phục vụ người dân, doanh nghiệp</b>						
1.	Tỷ lệ CBCC sử dụng thư điện tử công vụ trong giao dịch công tác.	60%	80%	90%	100%	
2.	Tỷ lệ các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng.	30%	50%	80%	100%	
3.	Tỷ lệ văn bản hành chính trong CQNN được lưu chuyên dưới dạng văn bản điện tử qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trên môi trường mạng.	40%	60%	65%	70%	80%
4.	Triển khai Hệ thống một cửa điện tử tại các cơ quan cấp tỉnh	10%	20%	40%	50%	55%

5.	Triển khai thực hiện thí điểm và nhân rộng mô hình một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại tại UBND cấp huyện	1/11	2/11	4/11	8/11	11/11
6.	Hoàn thiện các trang thông tin điện tử ở các cơ quan nhà nước đúng quy định của pháp luật	50%	80%	100%		
7.	Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung quan trọng của các cơ quan hành chính nhà nước được xây dựng và triển khai gồm: CSDL về dân cư, quản lý đất đai, quản lý CBCC, thông tin KTXH, Y tế, giáo dục, thông tin và truyền thông, thông tin thị trường, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật	0	1	2	3	3
<b>Nguồn nhân lực CNTT</b>						
1.	Số cơ quan hành chính nhà nước có cán bộ chuyên trách CNTT	50%	70%	90%	100%	*
2.	Số cán bộ được đào tạo chuyên sâu về an toàn, bảo mật thông tin	4	20	20	20	20
3.	Tỷ lệ CBCC được đào tạo kỹ năng về ứng dụng CNTT và làm việc trên môi trường mạng	60%	80%	90%	100%	

## 2. Nội dung Kế hoạch:

### a. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT:

- Xây dựng hệ thống thông tin tại Trung tâm Hạ tầng thông tin của tỉnh bao gồm: đầu tư hạ tầng thiết bị, phần mềm hệ thống; đầu tư xây dựng các phần mềm ứng dụng và triển khai các dịch vụ CNTT.

- Hoàn thiện hệ thống mạng nội đô thành phố Quy Nhơn kết nối các sở, ban, ngành, UBND TP Quy Nhơn và UBND các xã, phường thuộc UBND TP Quy Nhơn.

- Trang bị các hệ thống bảo mật, nâng cấp hệ thống mạng và các trang thiết bị mạng cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Đầu tư xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến giữa UBND tỉnh với UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thành lập Trung tâm CNTT của tỉnh đảm bảo đủ năng lực và trình độ đào tạo về CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu và góp phần đẩy mạnh phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số của tỉnh.

### b. Ứng dụng CNTT trong CQNN:

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định nhằm tạo ra kênh thông tin chính thức của UBND tỉnh để phổ biến các thông tin hoạt động, phương

hướng phát triển, chính sách, pháp luật và các hướng dẫn thủ tục hành chính của tỉnh để người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận các thông tin của CQNN; hiểu rõ và tuân thủ các quy định, chính sách nhà nước; đóng góp các ý kiến cho các chính sách của tỉnh. Đảm bảo xây dựng một hệ thống thông tin tích hợp, trong đó các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố có thể tham gia vào hệ thống như là thành viên cung cấp tin tức và hoạt động của cơ quan mình, các hướng dẫn thủ tục hành chính đang áp dụng tại các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai hệ thống thư điện tử công vụ đến tất cả các CQNN trong tỉnh, từng bước nghiên cứu ứng dụng chứng thực chữ ký số cho hệ thống thư điện tử của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm chuyên dụng; ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên ngành, hệ thống một cửa điện tử, phần mềm phục vụ công tác quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp qua mạng.

- Tăng cường sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh tiết kiệm và hiệu quả.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) trọng điểm cấp tỉnh, đảm bảo việc cập nhật thông tin, chia sẻ và khai thác dữ liệu của các CQNN bao gồm: CSDL dân cư, CSDL quản lý đất đai, CSDL về CBCC, CSDL về thông tin KTXH, CSDL về y tế, CSDL ngành thông tin và truyền thông.

#### ***c. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:***

- Triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến cấp độ 2, 3 và thí điểm dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 tại các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (*các dịch vụ công được ưu tiên cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Tiếp tục nâng cấp và xây dựng Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các trang thông tin điện tử cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, cung cấp các thông tin theo quy định cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin.

#### ***d. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ứng dụng CNTT:***

- Tổ chức các hội thảo, các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của CNTT, giới thiệu các văn bản pháp lý về CNTT và các mô hình mẫu ứng dụng CNTT đạt hiệu quả nhằm định hướng việc xây dựng các dự án, chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT trong mỗi cơ quan, đơn vị.

- Đào tạo chuyên sâu về bảo mật và an toàn thông tin, cài đặt và chuyên giao các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu để sử dụng hiệu quả các thiết bị, hệ thống đã được đầu tư.

- Cử các CBCC chuyên trách CNTT tại các CQNN (cấp sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố) tham gia các khóa đào tạo chuyên đề chuyên sâu về CNTT tại các trường Đại học, Cao đẳng hoặc các cơ sở đào tạo có chất lượng cao.

- Bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng trong công việc và xử lý các sự cố máy tính, hệ thống mạng thông thường cho CBCC trong CQNN.

### **3. Giải pháp:**

#### ***a. Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành:***

- Ban chỉ đạo CNTT tỉnh tăng cường chỉ đạo trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các ngành.

- Người đứng đầu các cơ quan phải chủ động, có quyết tâm và ủng hộ quá trình ứng dụng CNTT vào cơ quan, đơn vị mình.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý CNTT các cấp, đặc biệt là cấp huyện trở xuống.

- Tăng cường công tác ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính, cải tiến quy trình làm việc, chuẩn hóa nghiệp vụ.

#### ***b. Cơ chế, chính sách:***

- Ban hành các quy định xử lý công việc qua môi trường mạng, nhằm giảm văn bản giấy, tăng cường chia sẻ, trao đổi thông tin trong hoạt động của CQNN.

- Rà soát, bổ sung các chính sách thu hút nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong CQNN với chế độ đãi ngộ đội ngũ cán bộ công chức chuyên trách CNTT trong CQNN nhằm duy trì và thu hút nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao.

- Xây dựng chính sách thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút và hỗ trợ đối với các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật và triển khai ứng dụng CNTT đến các địa bàn vùng sâu, vùng xa.

#### ***c. Tài chính:***

- Thu hút các nguồn tài chính khác nhau: từ ngân sách địa phương và Trung ương, nguồn vốn từ các doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế.

- Vốn ngân sách tỉnh bố trí chi cho sự nghiệp ứng dụng CNTT hàng năm phù hợp với lộ trình triển khai Kế hoạch và nguồn kinh phí của tỉnh.

- Triển khai các hình thức thuê dịch vụ CNTT nhằm giảm chi phí đầu tư đối với các dịch vụ có giá thành cao nhưng ít sử dụng.

- Đảm bảo công tác đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm và có tính kế thừa.

- Huy động vốn trong các doanh nghiệp: Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển sản xuất.

- Huy động vốn trong dân: Khuyến khích các cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư các dự án phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

#### ***d. Nâng cao nhận thức và chú trọng đào tạo nhân lực CNTT:***

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về các lợi ích trong việc xây dựng Chính quyền điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp. Quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, của tỉnh về phát triển và ứng dụng CNTT. Đặc biệt bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về CNTT. Xây dựng, tổ chức đánh giá xếp hạng chỉ số sẵn sàng CNTT hàng năm (ICT Index) đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho lãnh đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức.

- Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về CNTT các cấp.

- Đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức.

#### ***d. Các giải pháp khác:***

- Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh có uy tín trong việc xây dựng các chương trình đào tạo CNTT.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá về tình hình triển khai, ứng dụng CNTT trong CQNN.

- Tổ chức tìm hiểu, học tập kinh nghiệm các địa phương ứng dụng thành công các mô hình ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

#### **4. Dự kiến kinh phí và lộ trình thực hiện:**

**a. Kinh phí thực hiện:**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>Năm</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguồn vốn</b>						
Vốn đầu tư	570	1.700	7.300	5.000	4.000	<b>18.570</b>
Vốn sự nghiệp	800	2.773	3.180	4.058	4.210	<b>15.021</b>
Vốn TW hỗ trợ	0	0	7.200	5.250	4.300	<b>16.750</b>
<b>Tổng kinh phí</b>	<b>1.370</b>	<b>4.473</b>	<b>17.680</b>	<b>14.308</b>	<b>12.510</b>	<b>50.341</b>

- Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch: **50.341.000.000** đồng

(Năm mươi tỷ, ba trăm bốn mươi mốt triệu đồng)

- Chi tiết kinh phí thực hiện các hạng mục cụ thể (Phụ lục 2 đính kèm).

**b. Lộ trình thực hiện:**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>
1	2011	Đầu tư trang thiết bị ban đầu tại Trung tâm Hạ tầng thông tin của tỉnh.
		Nâng cấp công thông tin điện tử tỉnh Bình Định
		Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử tại 02 đơn vị cấp tỉnh.
		Xây dựng và nâng cấp trang thông tin điện tử của 3 đơn vị đúng quy định của pháp luật
		Đào tạo vận hành và quản lý kỹ thuật trang thông tin điện tử và hệ thống thư điện tử công vụ cho cán bộ quản trị mạng trong các CQNN
		Đào tạo chuyên sâu và quản trị mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT.
		Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động của các trang thông tin điện tử của các CQNN trong tỉnh.
2	2012	Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các trang thiết bị, hệ thống an ninh, phần mềm hệ thống tại Trung tâm Hạ tầng thông tin (2012-2013).
		Xây dựng hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh
		Triển khai nhân rộng Hệ thống văn phòng điện tử tại 08 đơn vị thuộc tỉnh
		Xây dựng hệ thống Giao ban trực tuyến từ Văn phòng UBND tỉnh đến UBND các huyện, thị xã, thành phố.
		Đầu tư các trang thiết bị CNTT tại các sở, ban, ngành phục vụ triển khai Hệ thống văn phòng điện tử và an toàn thông tin
		Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước ngành thông tin và truyền

		<p>thông</p> <p>Khảo sát, đánh giá xếp hạng chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT trong hoạt động các CQNN thuộc tỉnh (xếp hạng định kỳ hàng năm)</p> <p>Đào tạo nâng cao kiến thức về quản trị mạng và chuyên sâu về an toàn bảo mật thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT của CQNN</p> <p>Phối hợp triển khai mô hình một cửa điện tử hiện đại tại UBND các huyện, thị xã, thành phố (2012-2015)</p>
3	2013	<p>Xây dựng Dự án thành lập Khu Trung tâm CNTT tỉnh Bình Định</p> <p>Tiếp tục triển khai nhân rộng Hệ thống văn phòng điện tử tại các đơn vị còn lại (2013-2014)</p> <p>Triển khai hệ thống mạng chuyên dùng trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh (2013-2014)</p> <p>Xây dựng hệ thống các phần mềm ứng dụng tại các sở, ban, ngành (2013-2015)</p> <p>Xây dựng các cơ sở dữ liệu trọng điểm cấp tỉnh (2013-2015)</p> <p>Triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức 3 (2013-2015)</p> <p>Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án, hoạch định chính sách phát triển ứng dụng CNTT cho cán bộ lãnh đạo ở các CQNN.</p> <p>Đào tạo nâng cao kiến thức về an toàn bảo mật hệ thống thông tin cho các cán bộ quản trị mạng.</p> <p>Ứng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng cho các trao đổi thư điện tử, văn bản điện tử (2013-2015).</p>
4	2014-2015	<p>Khởi công xây dựng Khu Trung tâm CNTT tỉnh</p> <p>Rà soát và hoàn thành việc triển khai Hệ thống văn phòng điện tử tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh</p> <p>Tập trung triển khai dịch vụ công trực tuyến mức 3 và thí điểm triển khai dịch vụ công mức 4 ở một số lĩnh vực phù hợp</p> <p>Đào tạo bồi dưỡng các kiến thức về công nghệ mới, kỹ năng ứng dụng CNTT trong CCHC và nâng cao về an toàn bảo mật thông tin cho CBCC</p> <p>Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu trọng điểm của tỉnh</p>

## 5. Tổ chức thực hiện:

### a. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách ứng dụng và phát triển CNTT hàng năm của đơn vị gửi Sở Thông tin và Truyền thông để Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối; trình UBND tỉnh phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị. Thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng CNTT cùng thời gian



gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị tới Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Các đơn vị có dự án được phê duyệt có trách nhiệm tổ chức, xây dựng và triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Cơ quan, đơn vị chủ trì đề án, dự án về CNTT có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định thiết kế sơ bộ của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ 6 tháng một lần về tình hình triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị mình cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tạo điều kiện cho tất cả cán bộ, công chức tham gia tập huấn sử dụng thư điện tử, khai thác Internet, sử dụng các phần mềm ứng dụng đang triển khai tại cơ quan.

#### ***b. Sở Thông tin và Truyền thông:***

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án CNTT đảm bảo sự đồng bộ, nhất quán của toàn bộ hệ thống; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch được duyệt. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước; định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ động đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh; đồng thời hướng dẫn và tổ chức thực hiện; sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch hàng năm. Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ và sự hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc tăng cường năng lực quản lý, ứng dụng và phát triển CNTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án CNTT; trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tích cực phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xây dựng, thẩm

định kỹ thuật và thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước hàng năm để việc thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm đồng bộ và thống nhất, theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

**c. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trong việc cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

**d. Sở Tài chính:**

- Phối hợp, hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hàng năm.

- Bố trí kinh phí ứng dụng và phát triển CNTT đã được UBND tỉnh phê duyệt cho các đơn vị để triển khai thực hiện; ưu tiên bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp cho triển khai ứng dụng và phát triển CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định hiện hành.

**đ. Sở Nội vụ:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng các quy định về tiêu chuẩn trình độ CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng chính sách thu hút, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ chuyên gia, những người có trình độ về CNTT làm việc cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hoạt động ứng dụng CNTT để thực hiện chương trình cải cách hành chính, từng bước xây dựng chính quyền điện tử.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo thông tin (CIO) các cấp trong tỉnh và đào tạo bồi dưỡng các kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và quản lý dữ liệu về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của tỉnh.

**e. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực CNTT của tỉnh. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực CNTT do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, đẩy mạnh hoạt động ứng dụng CNTT trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cho UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo kịp thời.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ TT&TT;
- TT.Tỉnh ủy; } b/cáo
- TT HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Lưu VT, K9.

*[Handwritten initials]*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Mai Thanh Thắng**

Phụ lục 1



**DANH MỤC NHÓM CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN  
CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TỚI THIỂU MỨC ĐỘ 3**

STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký kinh doanh
2	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
3	Cấp giấy phép xây dựng
4	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
5	Cấp giấy phép đầu tư
6	Cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược
7	Lao động, việc làm
8	Cấp, đổi giấy phép lái xe
9	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
10	Đăng ký tạm trú, tạm vắng
11	Dịch vụ đặc thù



Số TT	Tên Dự án	Đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)																Tổng kinh phí phân theo nguồn											
				Năm 2011				Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015				NS tỉnh							
				Tổng cộng	Tổng KP 2011	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2012	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2013	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2014	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2015	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN	NSTW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN					
5	Xây dựng Trung tâm CNTT tỉnh Bình Định	Sở TT&TT	Xây dựng Trung tâm CNTT của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển ngành CNPM & CN nội dung số, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực CNTT phục vụ cho ngành CNPM	20,000				0					10,000	5,000	5,000			5,000	3,000	2,000			5,000	2,000	2,000	1,000	10,000	9,000	1,000		
<b>II ỨNG DỤNG CNTT TRONG CQNC</b>																															
1	Xây dựng Công Thông tin điện tử	Sở TT&TT	Nâng cấp và xây dựng Công thông tin điện tử	1,020	20	20		1,000		1,000																				1,020	
2	Triển khai mô hình văn phòng điện tử	Các số, ban, ngành, UBND các huyện	Triển khai mô hình văn phòng điện tử tại các số, ban, ngành, UBND các huyện	3,521	265		265	687.6			687.6	1,070		1,070	1,498							1,498									3,521
3	Triển khai mô hình một cửa điện tử	UBND các huyện	Triển khai mô hình một cửa điện tử tại UBND 10 huyện, một cửa liên thông.	2,100								600	300		300	900	450				450	600	300			300	1,050			1,050	
4	Xây dựng hệ thống các phần mềm chuyên dụng	Các số, ban, ngành	Xây dựng hệ thống các phần mềm chuyên dụng cho các số, ban, ngành nhằm phục vụ công tác quản lý	2,500								500	200		300	1,000	500				500	1,000	500			500	1,200			1,300	
5	Xây dựng các CSDL trong điểm cấp tỉnh	Các số, ban, ngành	Xây dựng các CSDL trong điểm cấp tỉnh bao gồm: CSDL dân cư, CSDL quản lý đất đai, CSDL về CBCC, CSDL về thông tin KTXH, CSDL về Y tế	3,460				60				60	700	500		200	1,100	500			600	1,600	1,000			600	2,000			1,460	

Số TT	Tên Dự án	Đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện	Kinh phí thực hiện (tỷ đồng)																Tổng kinh phí phân theo nguồn							
				Tổng cộng	Năm 2011			Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015				NSTW hỗ trợ	NS tỉnh		
					Tổng KP 2011	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2012	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2013	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2014	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng KP 2015	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ĐT	Vốn SN		Vốn ĐT	Vốn SN	
																											Vốn ĐT
<b>III ỨNG DỤNG CNTT PHỤC VỤ NGƯỜI DẪN VÀ DOANH NGHIỆP</b>																											
1	Triển khai các dịch vụ công trực tuyến	Các số, ban, ngành	Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến cấp 2, 3, thi điểm dịch vụ công trực tuyến cấp 4 tại các số, ban, ngành	1,900								400	200		200	500	300			200	1,000	500		500	1,000		900
2	Xây dựng và nâng cấp trang thông tin điện tử	UBND các huyện	Nâng cấp và xây dựng trang thông tin điện tử cho UBND 10 huyện theo Thông tư 26/2009/TT-BTTTT.	345	45	45						300			300												345
<b>IV ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CNTT</b>																											
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án, hoạch định chính sách	CB lãnh đạo số, ngành, huyện, xã	Bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, quản lý dự án CNTT, hoạch định chính sách phát triển ứng dụng CNTT	765	45	45	0				240				240	240				240	240			240		765	
2	Bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong điều hành, chỉ đạo.	CB lãnh đạo số, ngành, huyện, xã	Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ ứng dụng CNTT trong điều hành, chỉ đạo	1,028	113	113	15				15	300			300	300				300	300			300		1,028	
3	Đào tạo chuyên sâu về bảo mật và an toàn thông tin	CB chuyên trách tỉnh, huyện	Đào tạo chuyên sâu về bảo mật và an toàn thông tin cho CB chuyên trách CNTT	993	83	83	160				160	250			250	250				250	250			250		993	
<b>V GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CNTT TRONG CQNN</b>																											
1	Khảo sát, thu thập thông tin về CNTT, đánh giá đúng mức độ sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT trong CQNN	Các số, ban, ngành, UBND các huyện, TP	Khảo sát, thu thập số liệu về tình hình ứng dụng CNTT, xây dựng các tiêu chí xếp hạng nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT trọng hợp đồng CQNN	74			14				14	20			20	20				20	20			20		74	
<b>TỔNG CỘNG</b>				50,344	1,370	570	800	4,476	0	1,700	2,776	17,680	7,200	7,300	3,180	14,300	5,250	5,000	4,058	12,510	4,300	4,000	4,210	16,750	18,570	15,024	